

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2025/DS-ST

Ngày: 17/6/2025

V/v: Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Nhơn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Huỳnh Văn Thanh**

Ông **Nguyễn Văn Hiền**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** - Thư ký

Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Kim T**, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp TS, xã TH, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1/ Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1951. Địa chỉ: ấp HA, xã NH, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

2/ Anh **Dương Văn C**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp HA, xã NH, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Kim T trình bày:*

Do tin tưởng nhau, nên vào ngày 04/12/2017 bà có cho bà Nguyễn Thị X và anh Dương Căn C (bà X và anh C là mẹ con) vay số tiền 240.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng, thời hạn vay là khi nào cần lấy lại vốn tôi sẽ thông báo cho bà X, anh C thì bà x, anh C sẽ trả lại. Khi cho vay tiền hai bên có làm biên nhận, biên nhận do anh C viết, bà X và anh C có ký tên và viết họ tên bên dưới.

Sau khi vay, bà X và anh C không có đóng lãi cho bà tháng nào. Khi cần lấy lại vốn, bà đã nhiều lần yêu cầu bà X, anh C trả cho bà số tiền 240.000.000đồng, nhưng bà X và anh C cứ hứa hẹn nhiều lần mà không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị X và anh Dương Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 240.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị X và anh Dương Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án; các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Tuy nhiên, bà X và anh C không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị X và anh Dương Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà X và anh C.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim T, xét thấy:

Nguyên đơn bà Phạm Kim T yêu cầu bà Nguyễn Thị X và anh Dương Văn C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 240.000.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà T cung cấp cho Tòa án chứng cứ là “Biên nhận tiền ngày 04 tháng 12 năm 2017”.

Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung biên nhận ngày 04/12/2017 thể hiện bà X và anh C có nhận của bà T số tiền 240.000.000đồng, bên dưới biên nhận tiền có chữ ký và ghi họ tên của bà X và anh C.

Bà Nguyễn Thị X và anh Dương Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và chứng cứ do bà Tuyến giao nộp là biên nhận tiền ngày 04/12/2017, nhưng bà X và anh C không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và chứng cứ do bà T giao nộp, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là chứng cứ có thật phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà X và anh C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T dù bà T đã nhiều lần yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà X và anh C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 240.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với tiền lãi: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi. Anh Dương Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 288 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Kim T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị X và anh Dương Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Kim T số tiền 240.000.000đồng.

2. Kể từ ngày bà Phạm Kim T có yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị X và anh Dương Văn C chậm thi hành số tiền trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Dương Văn C phải chịu 6.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Kim T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị X và anh Dương Văn C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Nhơn

